

Số: 151 /2020/QĐST-HNGĐ

QL, ngày 21 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 216/2020/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn B.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con: Giao con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 28/8/2015 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị vì anh B không yêu cầu.
Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị K thoả thuận chịu cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004465 ngày 27/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị K 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKS Q;.
- THADS Q;.
- UBND xã N;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Đóa